

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DS-ST
Ngày 07/3/2024
V/v: Tranh chấp về kiện đòi
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Tường Vy

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Lê Đức Dũng;
+ Bà Lại Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: bà Thái Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự số: 91/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp về kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXXST-DS ngày 13/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-DS ngày 12/01/2024 và thông báo mở lại phiên tòa số 31/TB-TA ngày 19/02/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Trung T, sinh năm: 1961; địa chỉ: tổ H, ấp H, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Ông Vũ Hồng H; địa chỉ: Tổ G, ấp H, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. *(Vắng mặt)*

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trịnh Thị T1, sinh năm: 1969; địa chỉ: tổ H, ấp H, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/6/2023, ngày 10/8/2023, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là ông Bùi Trung T trình bày:

Ông và bà Trịnh Thị T1 trước đây là vợ chồng nhưng đã được Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu giải quyết ly hôn vào ngày 12/6/2019 và ông bà đã tự thỏa thuận việc phân chia tài sản chung của vợ chồng. Chiếc xe Honda SH Mode biển kiểm soát 72C1 – 42256 do ông đứng tên chủ sở hữu thống nhất là cho con trai Bùi Trịnh Thanh T2, sinh năm: 1995. Sau đó, vì anh T2 không sử dụng nên đã để chiếc xe trên ở nhà và bà T1 đã đem chiếc xe trên cầm cố cho ông Vũ Hồng H để vay số tiền 15.000.000 đồng. Sau khi ông T tự phát h ra thì ông có đến yêu cầu ông H trả lại xe và thỏa thuận là do bà T1 đã trả lãi cho ông H được 6.300.000 đồng nên ông T sẽ trả thêm số tiền 8.700.000 đồng là đủ số tiền vay gốc. Ban đầu

thì ông H đồng ý nhưng sau đó thì không đồng ý trả xe. Hiện nay, xe mô tô trên ở đâu ông T không biết. Nay ông T yêu cầu ông H trả lại chiếc xe Honda SH Mode biển kiểm soát 72C1 – 42256, kèm giấy tờ xe và số tiền 28.500.000 đồng là tiền khấu hao chiếc xe. Trường hợp, ông H không thể trả lại xe vì chiếc xe trên ông T không biết ông H để đâu thì ông T yêu cầu ông H trả giá trị chiếc xe và khấu hao xe với số tiền 40.000.000 đồng.

Các chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn cung cấp: đơn khởi kiện; CCCD + Sổ hộ khẩu (bản sao); giấy đăng ký xe máy (bản photo); giấy cầm xe (photo + bản chính); biên bản họp gia đình (photo); biên lai nộp tạm ứng án phí; bản tự khai; đơn yêu cầu định giá; 2 đơn khởi kiện bổ sung.

* Bà Trịnh Thị T1 trình bày: bà đồng ý lời trình bày của ông T về việc nguồn gốc chiếc xe Honda SH Mode biển kiểm soát 72C1 – 422.56, chiếc xe trên 2 ông bà đã thỏa thuận giao cho con nhưng sau đó con là anh Bùi Trịnh Thanh T2 không đi và trả lại nên bà đã đem chiếc xe đi cầm cố vay số tiền 15.000.000 đồng cho ông H. Việc bà cầm cố chiếc xe ông T không biết. Nay bà đồng ý giao quyền quyết định chiếc xe trên cho ông T, còn đối với nghĩa vụ trả lại tiền cho ông H thì bà sẽ thực hiện khi ông H có yêu cầu.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Quá trình thụ lý, thu thập tài liệu, chứng cứ vụ án: Tòa án thực hiện đúng theo quy định pháp luật và đầy đủ. Tuy nhiên, Tòa án còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, thư ký tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

- Về đường lối giải quyết vụ án: chiếc xe 72C1-422.56 giấy đăng ký xe đứng tên ông Bùi Trung T, đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T và bà T1. Việc bà T1 cầm cố chiếc xe trên cho ông H và ông H nhận cầm cố xe không có ý kiến của ông T là vi phạm Điều 309 BLDS. Do đó, giao dịch dân sự giữa bà T1 và ông H là vô hiệu. Vì vậy, căn cứ Điều 131 BLHS thì các bên phải trả lại cho nhau những gì đã nhận. Về yêu cầu bồi thường khấu hao tài sản, do bị đơn không lên làm việc, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định, nên căn cứ khoản 2 Điều 92 BLTTDS về các tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với số tiền bà T1 nhận của ông H cần giành quyền khởi kiện cho ông H đối với bà T1 trong vụ án khác.

- Về án phí và chi phí tố tụng: giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: ông Bùi Trung T có đơn khởi kiện đối với Vũ Hồng H yêu cầu trả tài sản ông H đang giữ của ông nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp kiện đòi tài sản”. Hiện H cư trú tại xã X, huyện C. Như vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật

Tổ tụng dân sự, đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[2] Về thủ tục tố tụng: ông Vũ Hồng H được triệu tập lần thứ 2 nhưng không tham gia phiên tòa lần thứ 2 nên HĐXX tiến hành xét xử vắng ông H là phù hợp quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: ông T cung cấp giấy cầm cố xe giữa ông Vũ Hồng H và bà Trịnh Thị T1, chiếc xe Honda SH Mode biển kiểm soát 72C1 – 422.56 trên đứng tên ông Bùi Trung T, việc ông H nhận cầm cố tài sản của người không chính chủ đứng tên, không có ý kiến của người chủ tài sản là vi phạm quy định tại Điều 309 BLDS 2015. Nên giao dịch cầm cố tài sản giữa ông H và bà T1 là trái pháp luật. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 131 BLDS 2015, các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Và Điều 131 cũng quy định trường hợp không thể hoàn trả được bằng hiện vật thì trị giá thành tiền để hoàn trả. Ông H đang quản lý xe của ông T nhưng ông H không tự nguyện giao xe, cũng như không đem xe lên để tiến hành định giá theo yêu cầu của Tòa án. Vì vậy, xét thấy việc tòa án nếu buộc ông H giao xe cho ông T nhưng ông H không tự nguyện sẽ rất khó khăn và thậm chí không thể thi hành được bản án, sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của người được thi hành án. Nên trong trường hợp này xét không thể hoàn trả bằng hiện vật. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông T là buộc ông H phải trả lại giá trị tài sản ông H đang quản lý của ông T. Và theo biên bản định giá tài sản ngày 07/6/2023 giá xe Honda SH Mode biển kiểm soát 72C1 – 422.56 theo giá thị trường thời điểm định giá là 23.000.000 đồng.

Ngoài yêu cầu trả lại xe, ông T còn yêu cầu trả tiền khấu hao xe từ thời điểm ông H quản lý xe là tháng 2/2019 tính đến nay là hơn 5 năm, theo giá trị khấu hao 1 năm là 10% giá trị tài sản, chiếc xe có giá trị là 57.000.000 đồng x 50% = 28.500.000 đồng. Yêu cầu trên của ông T là phù hợp; bởi lẽ, việc ông H quản lý xe của ông T là trái quy định pháp luật, dẫn đến việc ông T không được quyền sử dụng xe và giá trị sử dụng xe cũng bị mất, theo mức quy định về khấu hao tài sản. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu về mặt khấu hao tài sản.

Như vậy, yêu cầu của ông T trong trường hợp ông H không trả lại xe thì ông yêu cầu ông H trả giá trị chiếc xe, cũng như khấu hao quá trình sử dụng với tổng số tiền là 40.000.000 đồng là phù hợp.

Theo khoản 2 Điều 91 BLTTDS “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*” và khoản 2 Điều 92 BLTTDS quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Ông H đã được tòa án tổng đạt tất cả các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông H không tham gia, không có ý kiến. Vì vậy, các chứng cứ, yêu cầu mà ông T đưa ra là phù hợp nên chấp nhận.

- Chi phí tố tụng: ông T đã nộp tạm ứng chi phí định giá 2.700.000 đồng, vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông H phải trả số tiền chi phí định giá cho ông T.

[4] Về án phí: ông H phải nộp số tiền án phí là 40.000.000 đồng x 5% = 2.000.000 đồng. Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 26, 35, 39, 147, 165, 227, 228, 266 của BLTTDS; Điều 116, 117, 122, 131, 309, 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Bùi Trung T. Buộc ông Vũ Hồng H trả cho ông Bùi Trung T số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

2. Dành quyền khởi kiện cho ông Vũ Hồng H đối với bà T1 trong vụ án khác liên quan đến số tiền bà T1 vay của ông H và liên quan đến việc đăng ký quyền sở hữu chiếc xe Honda SH Mode biển kiểm soát 72C1 – 422.56.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Vũ Hồng H trả cho ông Bùi Trung T số tiền chi phí định giá là 2.700.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm nghìn đồng*).

4. Về án phí:

- Buộc ông Vũ Hồng H phải nộp số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) án phí DSST.

- Hoàn trả cho ông Bùi Trung T số tiền tạm ứng án phí 1.125.000 đồng (*Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) và 712.000 đồng (*Bảy trăm mười hai nghìn đồng*) đã nộp theo các Biên lai thu tiền số 0001242 ngày 20/5/2022 và số 0000295 ngày 10/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tường Vy

